

Số: 145/2017/QĐST- VHNGĐ

VT, ngày 21 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 568/2017/TB-TLVHNST ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa:

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992
HKTT: số 88/21/10 Bạch Đằng, phường N, TP.V, tỉnh B.
Địa chỉ: số 88/20 Bạch Đằng, phường N, TP.V, tỉnh B.

Người yêu cầu: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1988
HKTT: số 88/21/10 Bạch Đằng, phường N, TP.V, tỉnh B.
Địa chỉ: số 88/19 Bạch Đằng, phường N, TP.V, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn N có 02 (hai) con chung tên là Phạm Kim Ng, sinh ngày 13/02/2010 và Phạm Quỳnh Nh, sinh ngày 02/11/2012.

Theo nguyện vọng của con chung và sự thỏa thuận của các đương sự, chị Nguyễn Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung và anh Phạm Văn N cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi cháu 1.250.000đ/tháng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Quyết định có hiệu lực cho đến

khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi, theo mức lãi suất bằng 10%/năm trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0006706 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; chị Nguyễn Thị V đã nộp xong.

Anh Phạm Văn N nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0006707 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; anh Phạm Văn N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP.V;
- Chi cục THA DS TP.V;
- Các đương sự;
- UBND xã HT, H.HH, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hiến